

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2022

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Trung Hiếu

2. Ông Trần Như Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị L, sinh năm 1993. Có mặt

Trú tại: Thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Bà Lý Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Yên Bái. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Tồn P, sinh năm 1987. Vắng mặt

Trú tại: Thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-2-2022 bản tự khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Tồn P tự nguyện đăng ký kết hôn cùng nhau ngày 07 tháng 9 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái khi sống cùng nhau chị và anh P hạnh phúc đến tháng 3 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, anh P không chịu khó làm ăn không quan tâm đến gia đình, anh P còn bán tài sản chung của gia đình để chi tiêu cá nhân những mâu thuẫn đó chị và anh P đã nhiều lần hòa giải xong không được, từ tháng 5 năm 2021 anh P đi làm ăn xa không hay

về nhà, nếu có gặp nhau thì vợ chồng toàn cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Tồn P.

Về nuôi con chung: Chị và anh Đặng Tồn P có 02 con chung cháu Đặng Minh A, sinh ngày 12-10-2011 và cháu Đặng Thúy S, sinh ngày 10-2-2016. Hiện nay hai cháu đang sống cùng chị L cuộc sống ổn định, khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giải quyết được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và chị L không yêu cầu anh Đặng Tồn P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Đặng Tồn P tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, chị và anh P không nợ ai nên chị L không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Lý Ngọc K - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Triệu Thị L đề nghị hội đồng xét xử về Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xem xét giải quyết cho chị Triệu Thị L được ly hôn anh Đặng Tồn P. Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình xem xét giải quyết giao cho chị Triệu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Minh A, sinh ngày 12-10-2011 và cháu Đặng Thúy S, sinh ngày 10-2-2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bị đơn anh Đặng Tồn P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu gì. Tại phiên tòa anh Đặng Tồn P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đặng Tồn P hiện đang cư trú ở Thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa bị đơn anh Đặng Tồn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L và anh Đặng Tồn P tự nguyện đăng ký kết hôn cùng nhau ngày 07 tháng 9 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn sau đó nhiều lần vợ chồng cãi nhau nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, anh P không chịu khó làm ăn không quan tâm đến gia đình những mâu thuẫn đó chị L và anh P đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 5 năm 2021 đến nay chị L và anh P không sống cùng nhau nữa và không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị Triệu Thị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Tồn P. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo phiên hoà giải nhiều lần nhưng anh anh Đặng Tồn P đều cố tình lẩn tránh và vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Từ đó có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị L và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị Triệu Thị L đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Đặng Tồn P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị L xử cho chị L được ly hôn anh Đặng Tồn P là có cơ sở.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Triệu Thị L và anh Đặng Tồn P có 02 con chung cháu Đặng Minh A, sinh ngày 12-10-2011 và cháu Đặng Thúy S, sinh ngày 10-2-2016. Hiện nay hai cháu đang sống cùng chị L cuộc sống ổn định, chị L có thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/01 tháng, có chỗ ở, còn anh Đặng Tồn P thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không quan tâm đến các cháu, chị L đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị được nuôi dưỡng cháu A và cháu S cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và chị L không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu A có đơn đề nghị Tòa án giải quyết được chị L nuôi dưỡng.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy đề nghị của chị Triệu Thị L được nuôi dưỡng cháu Đặng Minh A và cháu Đặng Thúy S là chính đáng, cháu A có nguyện vọng được chị L nuôi dưỡng do đó cần giao cháu A và cháu S cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Triệu Thị L không yêu cầu anh Đặng Tồn P phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Triệu Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Triệu Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Đặng Tồn P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L được ly hôn anh Đặng Tồn P.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Triệu Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Minh A, sinh ngày 12-10-2011 và cháu Đặng Thúy S, sinh ngày 10-2-2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Đặng Tồn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng Tồn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2021/0001388, ngày 09-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên (xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Triệu Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Tồn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- VKS ND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Lâm

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- VKS ND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Dụ Hạ,
huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Lâm

